

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2024/QĐST-DS

Đô Lương, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Văn Đạt

Thư ký phiên họp: bà Hoàng Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên họp: ông Hoàng Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 19/2024/TB-TA, ngày 28 tháng 3 năm 2024, về việc: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2024/QĐST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1940

Nơi cư trú: xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: chị Phạm Thị H, sinh năm 1976

Nơi cư trú: xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn H1, sinh năm 1934; nơi cư trú cuối cùng: xóm G, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

- Chị Trần Thị H2, sinh năm 1969; nơi cư trú: xóm A, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt

- Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1973; nơi cư trú: **xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An**. Có mặt

- Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1976; nơi cư trú: **xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu tuyên bố mất tích và các bản khai trong hồ sơ, người yêu cầu bà **Nguyễn Thị N** và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Bà **Nguyễn Thị N** và ông **Trần Văn H1** là vợ chồng, có 03 người con tên là **Trần Thị H2**, sinh năm 1969; **Trần Văn M**, sinh năm 1973; **Trần Văn D**, sinh năm 1976; Đều cư trú: **xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An**. Năm 1979 ông **Trần Văn H1** bỏ nhà ra đi từ đó cho đến nay không trở về địa phương, Bà **N** và gia đình đã tìm kiếm ông **Trần Văn H1** khắp nơi nhưng đến nay không có tin tức gì của ông **H1**. Nay bà **Nguyễn Thị N** yêu cầu Tòa án tuyên bố ông **Trần Văn H1**, sinh năm 1934, nơi cư trú cuối cùng **xóm G cũ (nay xóm 02 mới), xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An** là một người mất tích để bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại bản tự khai ngày 05/8/2024 anh **Trần Văn D** trình bày: Cha chúng tôi ông **Trần Văn H1** bỏ nhà ra đi từ năm 1979 cho đến nay gia đình, họ hàng đã bằng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của ông **Trần Văn H1**. Nguyên vọng của anh **D** đề nghị Tòa án tuyên bố ông **Trần Văn H1** là một người mất tích

- Tại bản tự khai ngày 05/8/2024 và đơn xin vắng mặt tại phiên họp những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị **Trần Thị H2**, anh **Trần Văn D** trình bày: Cha chúng tôi ông **Trần Văn H1** bỏ nhà ra đi từ năm 1979 cho đến nay gia đình, họ hàng đã bằng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của ông **Trần Văn H1**. Nguyên vọng của chị **Trần Thị H2**, anh **Trần Văn D** và đề nghị Tòa án tuyên bố ông **Trần Văn H1** là một người mất tích

- Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương tại Ủy ban nhân dân xã B, nơi cư trú cuối cùng của ông **Trần Văn H1** cho biết: ông **Trần Văn H1** đã đi biệt tích từ năm 1979 cho đến nay không trở về địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không ai biết tin tức gì của ông **Trần Văn H1**.

Tại phiên họp:

- Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn giữ nguyên nội dung, yêu cầu như trên

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của anh **Trần Văn M** thống nhất như lời trình của bà **Nguyễn Thị N** và đại diện theo ủy quyền bà **Phạm Thị H**

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 367, 368, 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 27; các Điều 369, Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị giải quyết chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị N**, tuyên bố ông **Trần Văn H1** là một người mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, **Tòa án nhân dân huyện Đô Lương** nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông **Trần Văn H1** là người bị yêu cầu tuyên bố mất tích, có nơi cư trú cuối cùng tại **xóm G, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là loại việc “Tuyên bố một người mất tích”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về nội dung:

Sau khi xem xét đơn yêu cầu cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn của bà **Nguyễn Thị N**; Tòa án nhân dân huyện Đô Lương đã thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố mất tích của bà **Nguyễn Thị N** đối với ông **Trần Văn H1**. Ngày 04/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Đô Lương ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông **Trần Văn H1**. Thông báo đã được phát trên Đài phát thanh của Trung ương ba lần trong ba ngày liên tiếp là các ngày 10,11,12 tháng 4 năm 2024 và đăng trên **báo C** trong ba số báo liên tiếp 30, 31, 32 vào các ngày 12, 17 và 19 tháng 4 năm 2024. Đã hết thời hạn 04 tháng, kể từ ngày đăng, phát thông

báo tìm kiếm ông **Trần Văn H1** lần đầu tiên nhưng vẫn không nhận được tin tức gì về ông **Trần Văn H1**. Qua biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ xác nhận ông **Trần Văn H1** bỏ đi biệt tích từ năm 1979 cho đến nay, chính quyền địa phương và gia đình không có tin tức gì của ông **H1** hiện nay ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Như vậy đủ cơ sở xác định năm 1979 là thời gian biết được tin tức cuối cùng về ông **Trần Văn H1**, tại xóm G, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Từ đó cho đến nay, bà **Nguyễn Thị N** và gia đình đã tìm kiếm nhiều lần nhưng vẫn không có tin tức gì về ông **H1**. Căn cứ quy định tại Điều 387, Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 68 của Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị N**, tuyên bố ông **Trần Văn H1** là người mất tích. Đối với việc quản lý tài sản chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà **Nguyễn Thị N** là người cao tuổi và có đơn xin miễn lệ phí sơ thẩm nên miễn lệ phí cho bà **N** theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu tại phiên họp là có căn cứ nên cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 388, Điều 389; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 68 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1]. Chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị N**, tuyên bố ông **Trần Văn H1**, sinh năm 1934; nơi cư trú cuối cùng: xóm G cũ (nay xóm 02 mới), xã B, huyện Đ, tỉnh **Nghệ An** là một người mất tích.

[2]. Về quản lý tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: miễn nộp tiền lệ phí cho bà **Nguyễn Thị N**

[4]. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Chị Trần Thị H2, anh Trần Văn M, anh Trần Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

[5]. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Người yêu cầu;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- UBND xã Bài Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

LÊ VĂN ĐẠT